

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 1574/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01-11-2022

V/v Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Sơn Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Ngọc Cảnh

2. Ông Thái Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Quang Trinh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/9/2022 và ngày 01/11/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 462/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 539/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đào Tấn T, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, Tổ 66, Ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, Tổ 66, Ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 02/12/2021, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đào Tấn T trình bày:

Ông T và bà Nguyễn Thanh T có quá trình tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15 Quyền số 01/2014 ngày 13/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Sau nhiều lần cố gắng để hòa hợp nhưng không được nên ông T đã ly thân với bà T từ tháng 10/2021 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu ly hôn bà T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đào Kim T, sinh ngày 27/3/2014 và Đào Minh P, sinh ngày 02/3/2020. Hiện nay, bà T đang trực tiếp nuôi con nên ông T giao hai con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi con 2.000.000 đồng/tháng, 02 con là 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Ông T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản: Ông T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/5/2022, bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Bà và ông Đào Tấn T xây dựng gia đình từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15 Quyển số 01/2014 ngày 13/01/2014. Sau khi kết hôn, sống ở nhà chồng một thời gian rồi ra ở riêng, sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn. Đến cuối năm 2021, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân phát sinh là ông T có người phụ nữ khác, từ đó đến nay ông T bỏ nhà ra đi không về, chỉ về thăm con. Nay, ông T yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý vì còn thương chồng, muốn cùng chồng nuôi hai con chung.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vận động, thuyết phục các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng không thỏa thuận được. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa:

Ông T vẫn yêu cầu được ly hôn vì không còn tình cảm, yêu thương với bà T, ông cũng thừa nhận ông có tình cảm với người phụ nữ khác đã được Trường tiểu học Phú Hòa Đông làm việc vào ngày 21/12/2021, ông cũng đã cố gắng trở về nhà để hòa hợp với vợ nhưng không thành, cuộc sống hôn nhân diễn ra rất ngột ngạt, không có hạnh phúc nên ông đã ly thân. Nay ông xác định không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với bà T nên mong Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông.

Bị đơn bà T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Tuy nhiên cần khắc phục thời hạn chuẩn bị xét xử và thời gian giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số - 1/2014 ngày 13/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Củ Chi thì hôn nhân giữa ông T với bà T là hợp pháp. Đồng nghĩa với việc giữa vợ chồng phát sinh quyền, nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc, tôn trọng nhau. Phía ông T trình bày mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2019 do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, nhưng theo bà T trình bày là do ông T có người phụ nữ khác, nhưng vẫn về thăm con. Vợ chồng có hai con chung sinh năm 2014 và 2020. Bà T còn thương chồng nên không muốn ly hôn, thêm nữa là các con còn nhỏ, hoàn cảnh gia đình eo hẹp, bà không thể nuôi dạy

nổi hai con do bà phải đi làm từ sáng sớm. Tòa án đã tiến hành thu thập ý kiến tham khảo đến các cơ quan có liên quan để xác minh mâu thuẫn vợ chồng, điều kiện nuôi con của ông T, bà T. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C thể hiện: “Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T, bà T là do hai vợ chồng ít có thời gian ở nhà, ít tâm sự nên không hiểu nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến xin ly hôn; trong quá trình chung sống không thấy hai vợ chồng lớn tiếng hay đánh con”. Trường hợp xin ly hôn không phải do bạo lực gia đình, không vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng do không hiểu nhau, không có tiếng nói chung nên ông T bỏ nhà đi và không còn chung sống trong thời gian qua”.

Tại Công văn số 1294/TAHCC ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xác minh tại Trường tiểu học P, huyện C nơi ông T làm việc thể hiện: “Bà T không đến trường gây rối, không làm đơn yêu cầu nhà trường buộc cho thôi việc ông T, ông T tự nguyện nộp đơn xin thôi việc từ ngày 01/01/2022, bà T có làm văn bản tường trình và nhờ Ban giám hiệu nhà trường có sự can thiệp và giúp đỡ”.

Như vậy, qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án thể hiện ông T, bà T không có hành vi bạo lực gia đình, bà T không đến trường gây rối, la mắng ông T. Qua đó thể hiện tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà T chưa trầm trọng, mặc khác ông T là người có lỗi rất lớn trong cuộc hôn nhân này. Theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

Về con chung: Hồ sơ thể hiện ông T và bà T có 02 con chung tên Đào Kim T, sinh ngày 27/3/2014 và Đào Minh P, sinh ngày 13/3/2020 hiện đang sinh sống với mẹ. Ông T yêu cầu giao cho bà T nuôi 02 con, ông T cấp dưỡng nuôi con, nhưng do chưa chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T nên chưa xem xét việc giao 02 con chung cho ai nuôi dưỡng, giáo dục và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của ông Đào Tấn T yêu cầu ly hôn đối với bà Nguyễn Thanh T, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp và “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, thuộc trường hợp “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà T cư trú tại xã P, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do; căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T.

[3] Ông T, bà T cùng xác nhận những tình tiết, sự kiện: Hôn nhân giữa hai bên là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15 Quyển số 1/2014 ngày

13/01/2014; ông T và bà T có 02 con chung tên Đào Kim T, sinh ngày 27/3/2014 và Đào Minh P, sinh ngày 13/3/2020 hiện đang sinh sống với mẹ; ông T đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Việc ông T có quan hệ với người phụ nữ khác xảy ra từ cuối năm 2021, đã được gia đình nhiều lần khuyên can, nhắc nhở, động viên nhưng ông T không thay đổi. Ngày 21/12/2021, Trường Tiểu học Phú Hòa Đông nơi ông T làm việc đã có biên bản làm việc với ông T, yêu cầu ông T chấm dứt quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và tiếp tục thực hiện công việc bảo vệ của nhà trường...nhưng đến nay, vợ chồng ông T, bà T vẫn không thể giải quyết mâu thuẫn, ông T xác định không còn tình cảm, cảm xúc với vợ, ông không thể tiếp tục chịu đựng được cuộc sống hôn nhân với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”*. Từ cuối năm 2021 đến nay, ông T và bà T đã ly thân, bỏ mặc nhau trong cuộc sống vợ chồng. Hội đồng xét xử xem xét lỗi dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của ông T và bà T chủ yếu đến từ phía ông T như nhận định của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi. Tòa án đã triệu tập vợ chồng ông T, bà T đến nhiều phiên hòa giải (04 phiên) với mục đích tìm ra phương án tháo gỡ cho cuộc sống vợ chồng của ông T và bà T. Bà T trình bày còn yêu thương chồng, không đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án để hòa giải, không đưa ra phương án nào để vợ chồng có thể tiếp tục chung sống với nhau, bỏ mặc yêu cầu của ông T cho Tòa án giải quyết.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng phải được vun đắp, xây dựng trên cơ sở tự nguyện, yêu thương, chia sẻ của cả hai phía. Để đạt mục đích kết hôn, vợ chồng phải thực sự chung sống với nhau, cũng không buộc phải thường xuyên, liên tục suốt thời kỳ hôn nhân, nhưng nếu không chung sống một thời gian dài mà không có lý do chính đáng và không có thỏa thuận với nhau sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng và những vấn đề pháp lý khác. Hội đồng xét xử đánh giá tình trạng hôn nhân của ông T và bà T đã trầm trọng, chỉ tồn tại trên hình thức, việc duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa ông T với bà T chỉ làm cho tình trạng ngày càng trầm trọng hơn, hôn nhân không còn tự nguyện yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vì vậy, cần thiết giải phóng cả hai khỏi cuộc hôn nhân, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Đại diện Viện kiểm sát xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T, bà T lỗi phần lớn từ phía ông T là có cơ sở. Tuy nhiên, việc mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và Thúy là đã trầm trọng như đã phân tích nêu trên nên Hội đồng xét xử không thể cho tiếp tục hôn nhân của ông T và bà T. Lập luận của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi về tình trạng hôn nhân của ông T, bà T chưa trầm trọng để không chấp nhận yêu cầu của ông T không phù hợp với nên không chấp nhận.

[7] Về nuôi con chung: Ông T và bà T có 02 (một) con chung tên Đào Kim T, sinh ngày 27/3/2014 và Đào Minh P, sinh ngày 02/3/2020. Ông T giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000 đồng/tháng, hai con là 4.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy hai con chung đang sống cùng mẹ, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai trẻ, nên giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/trẻ/tháng là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T.

[8] Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Nghĩa vụ chung về tài sản: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Án phí sơ thẩm ông T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[11] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Tấn T.

- Về hôn nhân: Ông Đào Tấn T ly hôn bà Nguyễn Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15 Quyền số 01/2014 ngày 13/01/2014 hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về nuôi con chung: Giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Đào Kim T, sinh ngày 27/3/2014 và Đào Minh P, sinh ngày 02/3/2020. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, hai trẻ là 4.000.000 (bốn triệu) đồng/ tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 11/2022 cho đến khi con chung lần lượt tròn mười tám tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông T chịu, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0085636 ngày 23/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Ông T còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm.

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- VKSND huyện Củ Chi (02);
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01);
- UBND xã P (01);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (02);
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Sơn Hà